



Đón chào thập kỷ thứ 3

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM

✧ TS. NGUYỄN TRỌNG



Thập kỷ thứ nhất 1990 - 2000

Với phát súng lệnh là Nghị quyết 49/CP “Về phát triển CNTT ở nước ta trong những năm 90”, do Thủ tướng Võ Văn Kiệt ký ban hành ngày 04/08/1993, chúng ta bước vào cuộc đua rất gian nan với bạn bè, mà từ nhiều góc nhìn thì tưởng như vô vọng.

Máy tính điện tử vào VN từ những năm 60 thế kỷ 20, ở miền Bắc với các máy tính dòng Minsk là chính và ở miền Nam với các máy tính dòng IBM là chủ đạo. Từ những năm 80 thế kỷ 20 thì các máy vi tính bắt đầu vào VN. Ngày đó chúng ta còn rất nghèo. Máy vi tính dù đã có tên gọi là PC (tức Personal Computer - Máy tính cá nhân) nhưng còn quá đắt. Máy AT 286 với bộ nhớ trong 1 Mbyte vào năm 1987 có giá tại VN là 5.000 USD (khoảng 50 triệu đồng hồi đó), trong khi lương một trung tá là khoảng 100 USD (khoảng 1 triệu đồng). Giá quá cao cộng với chính sách cấm vận của Mỹ nên đến 1990, cả nước có chưa tới 2.000 máy vi tính. Theo các thống kê

quốc tế, cho đến năm 1992 VN xem như vùng trắng về máy tính. Năm 1993, Tạp chí Thế giới Vi tính - PCW VN, lần đầu tiên công bố một bài báo có chỉ số về CNTT. Đó là số máy vi tính tại Indonesia năm 1993 với 3 máy / 1.000 dân. Khi đó chúng ta thua họ hơn 10 lần, mới chỉ có 0,27 máy cho 1.000 dân (có thể tham khảo thêm các số liệu loại này trên Encyclopedia of the Nations và nhiều web site khác, chẳng hạn của World Bank). Rất nhiều người, đã nghĩ rằng thật khó, thậm chí không thể đuổi kịp Indonesia, chứ



Hình ảnh máy tính điện tử những năm 60

đừng nói đến Malaysia, Thái Lan, và ở đâu xa tập là 4 con hổ (Singapore, Hongkong, Đài Loan, Hàn Quốc) và cả thế giới tiên tiến đã công nghiệp hóa. Thế nhưng với những nỗ lực to lớn, thập kỷ thứ nhất 1990 - 2000 đã đưa VN thoát khỏi vùng trắng CNTT để có 8, 9, 10, 20, 40 máy cho 1.000 dân vào các năm 2000, 2001, 2002, 2003, 2004 so với các con số của Indonesia cũng vào những năm đó: 10, 11, 12, 13, 14 máy! Chúng ta đã vượt xa Indonesia về chỉ số này kể từ 2003 khi mà 10 năm trước họ gấp hơn 10 lần VN.

Thời đó, nước ta chưa có một khoa CNTT nào trong các trường đại học. Nhưng một số lượng đáng kể các bộ óc toán học và nhiều ngành khoa học - kỹ thuật lân cận đã tiến vào CNTT. Các bậc đàn anh: Đặng Hữu, Nguyễn Lâm, Phan Đình Diệu, Trần Lưu Chương (đã mất), Nguyễn Đình Ngọc (đã mất), Phạm Văn Bảy, Vũ Hồng Sơn, Nguyễn Văn Ngô, Nguyễn Ngọc Trân,... và thế hệ sau hơn một chút: Chu Hào, Phan Thị Hồng (đã mất), Lê Bá Quang, Trần Thành Trai, Bạch Hưng Khang, Nguyễn Trọng, Nguyễn Quang A, Bùi Quang Độ, Nguyễn Văn Thường (đã mất), ... rồi trẻ hơn chút nữa là: Đồng Thị Bích Thủy, Phan Thị Tươi, Hoàng Kiếm, Trương Gia Bình, Lê Trường Tùng, Nguyễn Hữu Lệ, Hoàng Minh Châu, Hà Thân, Hà Thế Minh, Đinh Tiến Sơn, Ngô Vi Đồng, Ngô Hồng Phương,... và lớp lớp các anh chị cùng thời hoặc trẻ trung, mạnh mẽ hơn cùng tiếp bước. Vào giữa thập kỷ 90, lần đầu tiên chúng ta có hệ thống đào tạo kỹ sư, cử nhân CNTT chính quy tại các khoa CNTT được thành lập tại 7 trường đại học trọng điểm (nay thì đã có 270 trường ĐH - CĐ có khoa CNTT



Cổ GS. Trần Lưu Chương



GS. Đặng Hữu



GS. Nguyễn Ngọc Trân



GS. Phan Đình Diệu

với số sinh viên tuyển hàng năm trên 50.000). Thập kỷ 90 là thập kỷ mà CNTT VN tìm ra nhiều con đường đi vào cuộc sống, vào cả những ngõ ngách rất hẹp. Ngay từ 1987, khi mà thế giới coi VN là “hoang mạc” CNTT thì bức thảm len với họa tiết sinh động là chú mục đồng trên lưng trâu với cây sáo trúc đã được nhà máy dệt thảm len Đà Nẵng dệt theo thiết kế của nhóm máy tính thuộc Trung tâm Toán - Máy tính quân đội chỉ với một máy XT duy nhất mà Trung tâm có ngày đó. Vào những năm 90, chúng ta dễ dàng nhận thấy một hiện tượng tích cực trong việc triển khai các ứng dụng CNTT (nhưng cũng thể hiện sự non nớt của giai đoạn ban đầu). Đó là hiện tượng mọi tổ chức có khả năng trang bị ít nhiều máy vi tính đều thành lập các phòng tin học lo viết các chương trình ứng dụng cho mình. Vài năm sau thuật ngữ CNTT mới thay dần thuật ngữ “Tin học”. Càng về sau, các hệ thống

ứng dụng càng được chuẩn hóa cao hơn, được cung cấp bởi các đơn vị CNTT chuyên nghiệp. Kết thúc thập kỷ 90, CNTT VN có 4 hiện tượng rất đáng ghi nhận:

1. Máy vi tính, mạng cục bộ trở thành khá phổ biến trong các doanh nghiệp, các tổ chức các loại như cơ quan hành chính, trường học, bệnh viện, ..., đảm bảo triển khai nhiều hoạt động quản lý về tài chính, vật tư, nhân lực, công văn - giấy tờ, ... Số máy vi tính trên 1.000 dân vào năm 2000 của VN là 8, xếp hạng 120 trong tổng số 157 quốc gia được thống kê (Indonesia: 10 - hạng 112, Philippines: 20 - hạng 92, Thái Lan: 28 - hạng 86, Malaysia: 95 - hạng 51, Singapore: 480 - hạng 7).
2. Năm 1997, Việt Nam được kết nối Internet.
3. Năm 1999, dịch vụ Chính phủ Điện tử đầu tiên đã được Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM triển khai, các doanh

nh nghiệp có thể đăng ký thành lập trực tuyến qua Internet.

4. Một nền công nghiệp phần mềm VN trăn trở ra đời với Nghị quyết 07/2000/NQ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2000 của Chính phủ về **xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005**. Một bó đuốc về công nghiệp phần mềm được thắp lên, rồi bùng sáng mạnh mẽ, khi mà quyết định về xây dựng Công viên Phần mềm Quang Trung đã được Bí thư Thành ủy TP.HCM Trương Tấn Sang khẳng định ngày 14/12/1999, sau khi thăm một số công ty phần mềm như PSV (nay là CSC VN), Lạc Việt và thăm công trường Saigon Software Park 123 Trương Định còn ngổn ngang gạch cát.

Một cách khái quát nhất thì thập kỷ 1990 - 2000 là thập kỷ mà CNTT VN xuất phát ở tình trạng bị thế giới xem là “vùng trắng” về CNTT. Nhìn từ



Ông Trương Gia Bình



Ông Ngô Vi Đồng



Ông Hà Thân



GS. Chu Hào



TS. Nguyễn Quang A



TS. Lê Trường Tùng



PGS. Đồng Thị Bích Thủy

trong nước thì chúng ta đã có những bước để CNTT VN khởi hành như một ngành khoa học - kỹ thuật ứng dụng. Từng bước, từng bước CNTT trở thành ngành đảm bảo hạ tầng thông tin cho nhiều hoạt động kinh tế - xã hội. Đến hôm nay, cũng còn nhiều người chưa hiểu rõ về khái niệm này, khái niệm **hạ tầng thông tin**. Để hiểu rõ hiện tượng này, xin lấy một sự kiện khoa học - kỹ thuật khác, dễ cảm nhận hơn, để giải thích. Vào giữa thế kỷ 19, khoa học về điện - từ trường với các công trình nền tảng của James Clerk Maxwell (1831-1879) về trường điện từ đã tạo ra bước ngoặt về kỹ thuật điện. Rất nhiều ứng dụng về điện đã có trước Maxwell với vai trò của điện như một ứng dụng khoa học - kỹ thuật. Tuy nhiên, từ Maxwell thì điện học vượt ra khỏi phạm vi ngành khoa học - kỹ thuật ứng dụng để trở thành ngành đảm bảo hạ tầng năng lượng cho mọi lĩnh vực khác phát triển ở mọi quốc gia. Đó cũng là triết lý sâu xa để thuật ngữ "Tin học" được thay bởi thuật ngữ "CNTT" vào những năm 90.

Thập kỷ thứ hai 2000 - 2010

CNTT Việt Nam bước vào thập kỷ thứ 2 với Chỉ thị 58 của Bộ Chính trị về **"Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa"**. Với Chỉ thị 58, CNTT VN có 2 nhiệm vụ chiến lược:

Một là tiếp tục sự nghiệp "Thông tin hóa" mọi hoạt động xã hội (tương tự ngành điện VN tiếp tục sự nghiệp "Điện khí hóa"), tạo lập vững chắc hạ tầng thông tin cho đất nước. Đây là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, còn xuyên suốt nhiều thập kỷ tiếp theo. Vào thập kỷ này, sự hòa nhập CNTT và truyền thông diễn ra trên phạm vi toàn thế giới. Người ta nói đến ứng dụng CNTT - TT với sứ mệnh tạo lập một hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia. Sự ra đời của Bộ Thông tin - Truyền thông (2007) và trước đó là Bộ Bưu chính - Viễn thông (2002) là giải pháp tổ chức rất quan trọng của Đảng và Nhà nước cho nhiệm vụ chiến lược này mà theo cách nói trong CT 58 là **"đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin"**. Một trong những chỉ số quan trọng hàng đầu, đánh giá trình độ ứng dụng CNTT - TT là chỉ số về

Chính phủ điện tử (E-Government Index) do Liên Hiệp Quốc công bố. Kết thúc thập kỷ thứ 2, năm 2010 thì chúng ta được xếp hạng 90 trong số 184 quốc gia (Singapore 11, Malaysia 32, Brunei 68, Thái Lan 76, Philippines 78, Indonesia 109, Campuchia 140, Myanmar 141, Lào 151). Vị trí còn thấp đòi hỏi chúng ta nỗ lực hơn rất nhiều để làm cho ứng dụng CNTT - TT ở VN hiệu quả hơn nữa.

Hai là đẩy nhanh sự hình thành một ngành kinh tế mới, kinh tế CNTT với các lĩnh vực phần mềm, dịch vụ, viễn thông, phần cứng, ... CT 58 nói về **"phát triển công nghệ thông tin"** với nội dung là xây dựng ngành CNTT - TTVN **"trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ phát triển hàng năm cao nhất so với các khu vực khác; có tỷ lệ đóng góp cho tăng trưởng GDP của cả nước ngày càng tăng"** (trích



Công viên phần mềm Quang Trung



CT 58). Kết thúc thập kỷ 2, VN đã thực sự có một ngành kinh tế mới là ngành công nghiệp CNTT – TT. Ngành này đã đóng góp 6,7% GDP quốc gia, ngang với ngành xây dựng. Vào năm 1999 – 2000, thế giới chưa hề biết về các kỹ sư CNTT Việt Nam, ngoại trừ ông Trương Trọng Thi (1936 – 2005) một kỹ sư CNTT Pháp gốc Việt, người được thế giới tôn vinh là một trong những cha đẻ của máy vi tính. Thế nhưng vào 2010 thì trong 100 thành phố hàng đầu thế giới về gia công phần mềm, VN có Hà Nội (hạng 21) và TP.HCM (hạng 16). Ở khu vực Đông Nam Á, VN hiện chỉ đứng sau Philippines (với 6 thành phố, chiếm các hạng 4, 9, 69, 88, 98, 100). Singapore được xem như một thành phố với hạng 38, Malaysia có 2 thành phố với các hạng 31, 79, Indonesia có một với hạng 62 và Thái Lan có một với hạng 77.

Hai thập kỷ phát triển, CNTT VN đã vươn lên từ vùng trắng để có vị thế dù chưa cao, nhưng vững vàng trên trường quốc tế. Chỉ thị 58 của Bộ Chính



Từ trái qua: B. Phan Thị Hồng, Ô. Trương Trọng Thi, Ô. Phạm Văn Bảy, một cộng sự của Ô. Thi, Ô. Nguyễn Trọng (Ảnh chụp năm 1990).

trị nêu một mục tiêu chiến lược là đến năm 2010 CNTT VN phải đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Xét trên một số chỉ tiêu, chúng ta đã vươn lên tốp đầu (số máy tính / 1.000 dân hiện chỉ đứng sau Singapore và Malaysia). Tuy nhiên về tổng thể thì CNTT – TT của ta kể cả ứng dụng và công nghiệp chưa

vượt lên hàng đầu khu vực. Cuộc đua rất quyết liệt. Chúng ta tiến thì bạn bè cũng tiến, nhiều lúc còn nhanh hơn ta. Thập kỷ thứ 3 2011 – 2020 với Đề Án **“Đưa VN sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT”**, chúng ta tin rằng CNTT – TT VN sẽ vững vàng trên hàng đầu khu vực. □



Đằng nào cũng không tha

Một cô vợ thất vọng về tình trạng chồng hay đi làm về muộn nên tâm sự với bạn.

Cô bạn khuyên:

- Thay vì nhieếc móc anh ấy, cậu hãy nói những lời ngọt ngào và đón chào anh ấy bằng một nụ hôn. Có thể anh ấy sẽ thay đổi.

Tối đó, anh chồng về muộn, cô vợ vội vàng ra mở cửa, dìu anh ta vào phòng, đắp khăn lạnh rồi cởi giày cho anh ta. Vừa nắn bóp, cô vợ vừa thì thầm vào tai chồng:

- Anh yêu, đã muộn rồi, chúng mình lên gác ngủ nhé.

Anh chồng đang xin trả lời:

- Ừ, thế cũng được. Đằng nào về nhà con vợ anh cũng không tha.

Không thể nhịn

Trên chuyến bay đêm 29 để kịp về Hà Nội cúng đón ông bà:

- Em ơi, anh thấy mọi người ngủ hết rồi, chúng ta làm thôi...
- Được, vậy chúng ta lại góc kia cho kín đáo nhé!...

Một lát sau...

- Không ai nhìn thấy, bắt đầu thôi anh!
- Hơi chật, từ từ đợi anh xoay người.
- Anh có đem... áo mưa không? Trùm vào đi, kéo nhờ ra...

Một lúc sau, tiếng thở mạnh khoan khoái:

- Thích quá, nhịn mấy hôm nên bây giờ... sướng quá!
- Em cũng thấy thế!

Bỗng có tiếng sột soạt trên hệ thống loa và một giọng nói vang lên:

- Đây là thông báo của cơ trưởng chuyến bay, đề nghị hai hành khách vừa rời chỗ ngồi trở về vị trí của mình. Qua màn hình kiểm soát chúng tôi đã nhìn thấy tất cả. Quý vị đã vi phạm luật hàng không. Yêu cầu dập tắt 2 điếu thuốc lá và bỏ áo mưa ra khỏi máy đồ khỏi ngay!

Mừng hự

Thấy bố mẹ vừa về đến ngõ, cu Tý chạy ra hớn hờ khoe:

- Mẹ ơi! Sáng nay có cô Mười ở bên Mỹ mới đến nhà chơi. Cô tặng cho nhà mình một món quà và nói rằng: “Món quà của cô tuy nhỏ nhưng cũng đủ cho gia đình cháu dùng trong một năm”

Nghe thế, mẹ cu Tý mừng quýnh, hỏi ngay:

- Món quà gì thế con?
- Dạ, một quyển lịch!

(Sưu tầm)